

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CHĂN NUÔI – THÚ Y

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC TẬP GIÁO TRÌNH CHĂN NUÔI 2
(Animal production field work 2)

I. Thông tin về học phần

- Mã học phần: **CN04817**
- Học kì: 7
- Tín chỉ: 7 (**Lý thuyết: 0 – Thực hành: 7**)
- **Tự học: 21**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 0
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm: 0
 - + Thực hành trong trại thực nghiệm: 75 tiết
- Tự học: 150 tiết (theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Chăn nuôi chuyên khoa
 - Khoa: Chăn nuôi
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên ngành ☒					
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☒		Chuyên sâu ☐	
		Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Học phần học song hành: Không
- Học phần tiên quyết: Chăn nuôi lợn
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

* **Mục tiêu:** : Học phần nhằm giúp sinh viên hiểu và thực hành được các quy trình kỹ thuật chăn nuôi các loại gia cầm/gia súc nhai lại và công tác quản lý trong trang trại. Đồng thời, giúp người học thực hiện thành thạo các kỹ thuật cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và trị một số bệnh thông thường ở các loại gia cầm/gia súc nhai lại; kỹ thuật quản lý trang trại. Ngoài ra, học phần còn nhằm giúp sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, khoa học, chủ động; có khả năng giao tiếp và vận động quần chúng.

* **Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Kết quả học tập mong đợi của chương trình Cử Nhân Chăn nuôi thú y	
Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức chung	CDR 1: Áp dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y;
Kiến thức chuyên môn	CDR 2: Phân tích các yếu tố tác động đến nuôi dưỡng, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi;
	CDR 3: Đánh giá hiệu quả chăn nuôi, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi;
	CDR 4: Thiết kế các chương trình sản xuất chăn nuôi, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi đảm bảo lợi ích kinh tế, môi trường và phúc lợi động vật;
Kỹ năng chung	CDR 5: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và kỹ năng phản biện trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và quản lý sản xuất ngành chăn nuôi hiệu quả;
	CDR 6: Phối hợp làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay nhà quản lý;
	CDR 7: Giao tiếp hiệu quả bằng đa phương tiện, thích nghi với môi trường đa văn hóa; đạt chuẩn tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên môn	CDR 8: Vận dụng các kỹ năng khảo sát, thu thập và xử lý thông tin phục vụ NCKH và nhu cầu của thực tiễn nghề nghiệp một cách hiệu quả;
	CDR 9: Ứng dụng về kỹ thuật và công nghệ trong phát triển chăn nuôi bền vững;
	CDR 10: Sử dụng công nghệ thông tin và các trang thiết bị hiện đại của ngành Chăn nuôi, Thú y phục vụ sản xuất, kinh doanh đạt mục tiêu đề ra;
	CDR 11: Thực hiện thành thạo các quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi;
Thái độ và phẩm chất đạo đức	CDR 12: Tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp
	CDR 13: Thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và tôn trọng phúc lợi động vật
	CDR 14: Thể hiện tinh thần học tập suốt đời

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

1. Không liên quan; 2. Ít liên quan; 3. Rất liên quan

Mã HP	Tên học phần	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT IPRM						
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
CN04817	TTGT chăn nuôi 2			M	R	M	M	M
		CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12	CDR 13	CDR 14
		R	R		R	R		

Kí hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về di truyền, công tác giống để đánh giá hiệu quả chăn nuôi, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi	CDR3
K2	Vận dụng các kiến thức về chuyên môn về dinh dưỡng, thức ăn chăn nuôi để Thiết kế các chương trình sản xuất chăn nuôi, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi hiệu quả	CDR4
Kỹ năng		
K3	Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả	CDR6
K4	Vận dụng các kỹ năng khảo sát, thu thập và xử lý số liệu về năng suất chăn nuôi tại trang trại một cách có hiệu quả	CDR8
K5	Ứng dụng về kỹ thuật và công nghệ mới vào việc xây dựng các mô hình chăn nuôi bền vững	CDR9
K6	Thực hiện có hiệu quả quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng và chẩn đoán một số bệnh thường gặp trên vật nuôi	CDR11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K7	Tuân thủ quy định nội bộ của các cơ sở chăn nuôi và thể hiện đạo đức nghề nghiệp	CDR12

III. Nội dung tóm tắt của học phần (Không quá 100 từ)

CN04817. Thực tập giáo trình chăn nuôi 2 (Animal production field work 2) (TTC: 0-7-21). Sinh viên được tổ chức đi thực tập giáo trình tại cơ sở *chăn nuôi gia súc nhai lại/gia cầm* theo các đề cương do bộ môn thông qua; cuối đợt thực tập sinh viên nộp báo cáo thực tập giáo trình và được dự một số chuyên đề, hội thảo, seminar.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Trước khi đi thực tập tại cơ sở, sinh viên sẽ được phổ biến nội dung và kế hoạch TTGT, đồng thời được giải đáp các thắc mắc liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi gia súc/gia cầm.

2. Phương pháp học tập

Sinh viên cần đọc các tài liệu về giống, dinh dưỡng và các bài giảng về kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng gia súc/gia cầm trước khi đi thực tập tại các cơ sở chăn nuôi.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: dự lớp tập huấn kỹ thuật trước khi đi cơ sở bắt buộc với tất cả sinh viên.
- Bài tập: Sinh viên phải làm các bài tập và tường trình thực tập nộp cho giáo viên phụ trách đúng thời hạn.
- Yếu tố khác: Sinh viên phải chấp hành đầy đủ nội quy tại các cơ sở mà mình thực tập.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm học phần là điểm trung bình cộng của những điểm thành phần sau:

Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
Tham gia đầy đủ các cuộc họp triển khai và sơ, tổng kết	10
Đánh giá quá trình	30
Đánh giá cuối kỳ	60
Cộng	100

Rubric đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)
Đánh giá chuyên cần		
Rubric 1 – Đánh giá tham dự đầy đủ buổi tập huấn và thời gian tại cơ sở	K7	10
Đánh giá quá trình		
Rubric 2 – Đánh giá thảo luận nhóm	K1, K2, K4, K5, K6	10
Rubric 3 – Đánh giá làm việc nhóm	K1, K2, K4, K5, K6	10
Rubric 4 – Đánh giá báo cáo kết quả thực tập	K1, K2, K4, K5, K6	10
Đánh giá cuối kỳ		
Rubric 5 – Trình bày kết quả thực tập trước tiểu ban	K1, K2, K3, K4, K5, K6	60

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thái độ tham dự	20	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	80				

Rubric 2: Đánh giá bài tập (theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Phương pháp giải	30	Cách giải sáng tạo/nhiều cách	Đúng phương pháp	Đúng phương pháp nhưng chưa đến kết quả	Sai phương pháp (0 đ)

Lập luận	40	Lập luận có căn cứ khoa học vững chắc	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn 1 vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn sai sót quan trọng (tùy mức độ: 2.0-1.0 đ)	Phạm hơn 1 sai sót quan trọng/Không biết lập luận khoa học (0 đ)
Kết quả	15	Kết quả đúng	Kết quả có sai sót, ít ảnh hưởng	Kết quả sai sót ảnh hưởng nhiều (tùy mức độ: 1.0-0.5 đ)	Sai kết quả hoàn toàn do sai phương pháp (0đ)
Trình bày bài giải	15	Cẩn thận, rõ ràng	Khá cẩn thận, vài chỗ chưa rõ ràng	Tương đối cẩn thận, nhiều chỗ chưa rõ ràng	Cẩu thả và chưa rõ ràng (0đ)

Rubric 3. Đánh giá tiểu luận (theo nhóm)

Tiêu chí		Trọng số %	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Cấu trúc		05	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý
Nội dung	Nêu vấn đề	10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề
	Nền tảng lý thuyết	10	Trình bày quan điểm lý thuyết phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết khá phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết tương đối phù hợp	Trình bày chưa rõ quan điểm lý thuyết phù hợp
	Các nội dung thành phần	40	Ghi thang điểm cụ thể cho từng phần nội dung			
	Lập luận	10	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng	Không chặt chẽ, logic
Kết luận		15	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font)	Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán

chữ, căn lề, format...)	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và đánh máý câu thả
-------------------------------	-----------------	----	--------------------------	--------------------	---------------------------	--

Rubric 4: Đánh giá thuyết trình (theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng

			câu hỏi chưa trả lời được	những câu hỏi chưa trả lời được	
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

3. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự các buổi tập huấn do bộ môn tổ chức và tham dự đầy đủ các buổi thực tập tại cơ sở: Tất cả sinh viên phải tham dự các buổi tập huấn do bộ môn tổ chức trước khi đi thực tập tại các cơ sở. Tại các cơ sở chăn nuôi, sinh viên phải thực hành một cách chủ động, tích cực (được thể hiện trong bản nhận xét của cơ sở).

Nộp báo cáo kết quả thực tập: Sinh viên phải nộp báo cáo kết quả thực tập theo đúng lịch do bộ môn thông báo. Tất cả các trường hợp nộp bài báo cáo muộn sẽ không được chấp nhận.

Tham dự bài thi kết thúc học phần: Sinh viên phải có mặt và trình bày kết quả thực tập trước tiểu ban đánh giá của bộ môn. Nếu sinh viên không tham dự buổi trình bày sẽ nhận điểm không và không được thi lại (trừ trường hợp có lý do bất chính đáng).

Yêu cầu về đạo đức: Sinh viên đến thực hành tại cơ sở phải chấp hành những nội quy, quy định của cơ sở, có thái độ tôn trọng, lễ phép và cư xử đúng mực với chủ cơ sở, cán bộ nhân viên và bạn bè tại cơ sở.

Ngôn ngữ: Sử dụng tiếng Việt và một số thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

- Nguyễn Xuân Trạch, Mai Thị Thơm, Lê Văn Ban (2006). Giáo trình Chăn nuôi trâu bò. NXB Nông nghiệp.
- Nguyễn Thị Mai, Bùi Hữu Đoàn, Hoàng Thanh (2009) Giáo trình chăn nuôi gia cầm. NXB Nông nghiệp.
- Đặng Vũ Bình (2000). Giáo trình chọn lọc và nhân giống vật nuôi. NXB Nông nghiệp.
- Đinh Văn Bình, Nguyễn Xuân Trạch, Nguyễn Thị Tú (2007). Giáo trình chăn nuôi dê và thỏ. NXB Nông nghiệp.
- Bùi Hữu Đoàn, Nguyễn Xuân Trạch, Vũ Đình Tôn (2009). Giáo trình chăn nuôi chuyên khoa. NXB Nông nghiệp.

* Tài liệu tham khảo khác:

- Nguyễn Xuân Trạch (2003). Chăn nuôi bò sinh sản. NXB Nông nghiệp.
- Hội chăn nuôi Việt Nam (2002). Dinh dưỡng gia súc và gia cầm.
- Phùng Quốc Quảng, Nguyễn Xuân Trạch (2005). Thức ăn và nuôi dưỡng bò sữa. NXB Nông nghiệp- Hà Nội.
- Nguyễn Xuân Trạch (2003). Khuyến nông chăn nuôi bò sữa. NXB Nông nghiệp- Hà Nội.
- Phạm Sỹ Lăng, Hoàng Văn Năm (2008). Một số bệnh quan trọng gây hại cho trâu bò.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1	Khảo sát đặc điểm chung về cơ sở chăn nuôi Khảo sát công tác giống vật nuôi nhai lại/gia cầm	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7
	A/Các nội dung chính thực tập tại cơ sở (5 tiết chuẩn) - Nắm bắt sơ bộ hiện trạng chăn nuôi gia súc nhai lại thông qua các thông tin chung về mức đầu tư cho chăn nuôi, quy mô chăn nuôi, cơ cấu đàn... tại trang trại. - Cơ cấu các giống qua các năm đang nuôi tại trại - Đặc điểm và năng suất của từng giống, nhận xét về chất lượng giống tại cơ sở	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà (30 tiết) - Xây dựng bộ câu hỏi phỏng vấn - Tham khảo các tài liệu về kỹ năng giao tiếp, đối thoại,... - Giáo trình chọn lọc và nhân giống vật nuôi. - Giáo trình chăn nuôi trâu bò (chương Giống và công tác giống) - Giáo trình chăn nuôi gia cầm (chương Giống và công tác giống)	
2-3	Khảo sát quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng vật nuôi nhai lại/gia cầm	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7
	A/Các nội dung chính thực tập tại cơ sở (30 tiết chuẩn) - Khảo sát thức ăn và khẩu phần ăn của từng loại vật nuôi tại cơ sở - Khảo sát quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng từng loại vật nuôi nhận xét ưu nhược điểm	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà (60 tiết) - Giáo trình thức ăn và dinh dưỡng - Giáo trình chăn nuôi trâu bò (chương Dinh dưỡng và thức ăn) - Giáo trình chăn nuôi gia cầm (chương Dinh dưỡng và thức ăn)	
4	Khảo sát chuồng trại chăn nuôi Khảo sát quy trình vệ sinh thú y	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7
	A/Các nội dung chính thực tập tại cơ sở (15 tiết chuẩn) - Khảo sát kiểu chuồng, kết cấu chuồng (nền, mái, tường,...), khả năng quản lý tiêu khí hậu chuồng nuôi, nhận xét ưu nhược điểm. - Khảo sát các thiết bị chăn nuôi trong chuồng (hệ thống máng ăn, máng uống, làm mát, sưởi, xử lý chất thải, ...), nhận xét ưu nhược điểm. - Quy trình quản lý an toàn sinh học tại trại (lịch -tiêm vắc-xin, tẩy uế, sát trùng chuồng trại, cách ly, phương thức quản lý chất thải, ...). Nêu nhận xét ưu nhược điểm. - Tình hình dịch bệnh tại trại (Các bệnh phổ biến trên đàn vật nuôi, khả năng điều trị, xử lý gia súc bị bệnh hoặc chết,...) trong thời gian gần đây. Nêu đánh giá.	

	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (30 tiết) - Giáo trình chăn nuôi trâu bò (chương Chuồng trại) - Giáo trình chăn nuôi gia cầm (chương Chuồng trại)		
	Tìm hiểu tình hình tiêu thụ sản phẩm Hạch toán hiệu quả kinh tế chăn nuôi Phân tích thuận lợi, khó khăn và phương hướng phát triển trang trại	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7	
5	A/ Các nội dung chính thực tập tại cơ sở(15 tiết chuẩn) - Thực trạng tiêu thụ sản phẩm (kênh tiêu thụ, hợp đồng tiêu thụ, ...) - Thuận lợi, khó khăn tiêu thụ sản phẩm (Biến động giá cả, nhu cầu thị trường, hỗ trợ của nhà nước, ...) - Hạch toán sơ bộ hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi của trang trại: giá thành, giá bán, lợi nhuận hàng năm). - Những thuận lợi, khó khăn về mặt kỹ thuật (giống, thức ăn, quy trình chăm sóc, thú y, ...) - Những thuận lợi, khó khăn về kinh tế - xã hội (nguồn vốn vay, hỗ trợ của nhà nước, thể chế chính sách địa phương)		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà (30 tiết) - Giáo trình thức ăn và dinh dưỡng - Giáo trình chọn lọc và nhân giống vật nuôi. - Giáo trình chăn nuôi trâu bò - Giáo trình chăn nuôi gia cầm - Sinh viên tìm đọc trước các tài liệu trên Internet về kinh doanh liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi gia súc/gia cầm.		

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Bản thu hoạch thực tập: sau mỗi bài và mỗi đợt thực tập mỗi sinh viên phải viết và nộp báo cáo thu hoạch để chấm điểm.
- Thảo luận và thuyết trình: Nhóm sinh viên được đánh giá một phần thông qua tham gia thảo luận xây dựng bài trong quá trình thực tập giáo trình, thuyết trình trong các buổi seminar và thảo luận nhóm.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: phòng thuyết trình có đầy đủ máy chiếu projector chất lượng tốt, có màn chiếu, bảng viết phấn; có hệ thống loa và micro ổn định, chất lượng tốt; hệ thống dây ổ điện và phích cắm; đồ dùng, dụng cụ thực hành..

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Trần Hiệp
TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Phạm Kim Đăng

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

DUYỆT CỦA HỌC VIỆN

(Ký và ghi rõ họ tên)



PHÓ GIÁM ĐỐC
GS.TS. Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Vũ Đình Tôn	Học hàm, học vị: PGS. TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0913.033.177
Email: dton@vnua.edu.vn	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: gửi email hoặc điện thoại (trong giờ hành chính)	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trần Hiệp	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0915.094.819
Email: tranhiiep@vnua.edu.vn	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: gửi email hoặc điện thoại (trong giờ hành chính)	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Lê Hữu Hiếu	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0967.181.282
Email: lhieu@vnua.edu.vn	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: gửi email hoặc điện thoại (trong giờ hành chính)	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Bùi Hữu Đoàn	Học hàm, học vị: GVC, PGS, TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0975.229.668
Email: bhdoan@vnua.edu.vn	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: gửi email hoặc điện thoại (trong giờ hành chính)	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Hoàng Anh Tuấn	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0989.119.184

Email: hatuan@vnua.edu.vn	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/
---	--

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Xuân Trạch	Học hàm, học vị: GS, TS, GVC
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0904 148 104
Email: nxtrach@vnua.edu.vn	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Dương Huyền	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0946 281 183
Email: nguyen.hua@gmail.com	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Phương	Học hàm, học vị: ThS.
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0971 444 338
Email: ntphuongngc@gmail.com	Trang web
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại (trong giờ hành chính)

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Bằng	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0969 598 337
Email: ngocbang311287@gmail.com	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Hán Quang Hạnh	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0982 041 382
Email: hanquanghanh1304@gmail.com	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đào Thị Hiệp	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0943 116 228
Email: dthiep@vnua.edu.vn	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/

Trợ giảng học phần

Họ và tên: Vũ Thị Thúy Hằng	Học hàm, học vị: ThS.
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0982150379
Email: vtthang@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/vic/
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại và elearning